

Bản án số: **238** /2017/HSPT

Ngày: 24-8-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**.

Các Thẩm phán: Ông **Tô Phú Đông**

Bà **Phạm Thị Liên Hiệp**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà **Trần Huỳnh Bích Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 199/2017/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C, Trần Ngọc T1.

Do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C, Trần Ngọc T1 và người bị hại Trần Văn T2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C1.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Phước L**, sinh năm: 1991 tại tỉnh Đồng Tháp; Tên gọi khác: không có; Nơi cư trú: ấp T3, xã T4, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Cha: Phạm Văn N, sinh năm 1948 (còn sống); Mẹ: Trần Thị H1, sinh năm 1955 (còn sống); Vợ: Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1998; Con: chưa có; Anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là người thứ sáu; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Thanh T**, sinh năm: 1989 tại tỉnh Đồng Tháp; Tên gọi khác: không có; Nơi cư trú: ấp T3, xã T4, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 19/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Cha: Phạm Sa R (Phạm Xa R), sinh năm 1955 (còn sống); Mẹ: Trương Thị P, sinh năm 1959 (còn sống); Vợ: Bùi Thúy O, sinh năm: 1993; Con: bị cáo có 01 người con sinh năm 2012; Anh, chị, em ruột: có 06 người, bị cáo là người thứ năm; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Thanh C**, sinh năm: 1992, tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp T3, xã T4, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Cha: Phạm Sa R (Phạm Xa R), sinh năm 1955 (còn sống); Mẹ: Trương Thị P, sinh năm 1959 (còn sống); Vợ, con: chưa có; Anh, chị, em ruột: có 06 người, bị cáo là người thứ sáu; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Ngọc T1**, sinh năm: 1989 tại tỉnh Đồng Tháp; Tên gọi khác: M; Nơi cư trú: ấp T6, xã T7, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/03/2008 bị Công an huyện C1 khởi tố tội “*Cố ý gây thương tích*” sau đó được đình chỉ điều tra (do bị hại rút yêu cầu khởi tố) tại Quyết định 04/QĐ-CQCSĐT ngày 07/04/2008 của Công an Huyện C1, tỉnh Đồng Tháp; Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Cha: Trần Văn G, sinh năm 1966 (còn sống); Mẹ: Trần Thị N1, sinh năm 1966 (còn sống); Vợ, con: chưa có; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại có kháng cáo:*

Trần Văn T2 (tên gọi khác: M1), sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T6, xã T7, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại Dương Thị Ánh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn Đ không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C1 thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 ngày 04/9/2016, Sau khi đã có uống rượu, Phạm Thanh T cùng Phạm Phước L, Phạm Phước H2, Phạm Văn H3, Phạm Thanh C, Dương Thị Thanh T5 và Dương Thị Ánh H đến quán cháo vịt T8 do Nguyễn Thị S làm chủ tọa lạc tại ấp T6, xã T7, huyện C1 để ăn cháo và nhậu tiếp. Trong lúc nhậu Phạm Thanh T thấy Trần Văn T2 đi cùng một số người bạn đang đến quán để nhậu, do quen biết nên T cầm ly bia đến mời T2 uống thì xảy ra cự cãi với nhau, T cầm ly bia đánh trúng mặt của T2 01 cái gây thương tích. Sau đó T tiếp tục cầm 01 cái ghế nhựa còn Phạm Phước L và Phạm Thanh C mỗi người cầm 01 cái ghế inox cùng nhau đánh trúng đầu và vai, lưng của T2 gây thương tích.

Khi hay tin Trần Văn T2 bị đánh Trần Ngọc T1, là anh ruột của T2 đang ở nhà gần đó chạy đến cầm 01 khúc cây dài 1,02m, rộng 04cm, cao 02cm chạy đến đánh trúng hông của Phạm Văn H3 01 cái gây thương tích nhẹ (H3 có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố T1), sau đó tiếp tục cầm cây chạy đến nơi T2 thì gặp Phạm Phước H2 đang điều khiển xe mô tô chở Dương Thị Ánh H chạy về, Trần Ngọc T1 liền lượm 01 miếng gạch tàu bị bể dày khoảng 2,2cm, dài 15,5cm, rộng 08cm ném về hướng xe của H2, thấy vậy H2 cúi xuống tránh né nên không trúng H2 mà trúng vào vùng mặt của H gây thương tích.

Thấy H bị thương tích nên H3 điều khiển xe mô tô chở theo Dương Thị Thanh T5 ngồi sau để ôm H, rồi cùng với L, T, C và H2 đưa H đi Bệnh viện S cấp cứu. Khi cả nhóm chạy được khoảng 100m thì có anh Hồ Thanh P1 và anh Nguyễn Tấn Đ đều là Công an viên xã T7 (anh Đ mặc trang phục Công an xã, còn anh P1 điều khiển xe mặc quần Công an xã và áo thun xanh), được sự phân công của lãnh đạo Công an xã T7, huyện C1 đến làm rõ vụ đánh nhau, khi điều khiển xe mô tô biển số 66B1-002.xx của Công an xã T7 chạy đuổi theo nhóm của L. Khi anh P1 điều khiển xe chạy ngang xe mô tô biển kiểm soát 66C1-035.xx do L điều khiển

chờ C, thì anh Đ bấm roi điện và yêu cầu dừng xe lại để giải quyết vụ đánh nhau, bị cáo L liền điều khiển xe chạy chậm lại, khi thấy xe của anh P1 và anh Đ chạy lên phía trước thì bị cáo L liền tăng ga và đụng vào xe của anh P1 và anh Đ làm hai xe bị ngã xuống (lúc này Phạm Phước H2 đi đến xin chở H đi bệnh viện cấp cứu thì anh Nguyễn Tấn Đ đồng ý). Cùng lúc, L đi đến giật cây roi điện trên tay của anh Đ rồi dùng phần cán của roi điện đánh trúng vùng đầu bên trái của anh Đ làm roi điện bị gãy, anh Đ liền lấy súng bắn đạn cao su mang theo bắn 01 phát xuống đất để cảnh cáo, bị cáo L liền ném khúc roi điện còn lại vào anh Đ nhưng không trúng rồi điều khiển xe bỏ chạy về hướng thành phố S1.

Sau khi sự việc xảy ra Trần Văn T2 đến Trạm Y tế xã T7 may vết thương, sau đó đến Bệnh viện đa khoa S1 để khám và điều trị thương tích (không nhập viện điều trị). Anh Nguyễn Tấn Đ đến Trạm Y tế xã T7 rửa vết thương, sau đó về nhà (không nhập viện điều trị). Dương Thị Ánh H đến Bệnh viện S1 điều trị vết thương, đến ngày 05/9/2016 thì xin xuất viện và đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Y tế Viễn Đông Việt Nam ở Quận 7, TP. Hồ Chí Minh; Bệnh viện Pháp Việt và Công ty trách nhiệm hữu hạn bệnh viện thẩm mỹ Hàn Quốc ở Quận 1, TP. Hồ Chí Minh để điều trị thương tích tiếp.

Ngày 05/9/2016, Trần Văn T2 có đơn yêu cầu xử lý những người đã gây thương tích cho mình; Nguyễn Tấn Đ viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Phạm Phước L; Dương Ánh H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với người đã gây thương tích cho mình.

Ngày 05/9/2016, Phạm Văn H3 và Dương Thị Thanh T5 có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối đi giám định tỷ lệ thương tật. Ngày 12/12/2016, Nguyễn Tấn Đ viết đơn xin rút đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Phạm Phước L.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 66C1-035.xx, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, số khung BY5652xx, số máy 5C64-5652xx, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy biển kiểm soát 66C1-035.xx, mang tên Phạm Phước L; 01 xe mô tô biển số 66B1-002.xx, số máy 31547xx, số khung 3546xx; 01 cây roi điện hiệu Titan M3, số ký hiệu 7268, đã bị hư hỏng; 01 khúc gỗ dài 42cm, ngang 04cm, cao 02cm, đã bị gãy 01 đầu, trọng lượng 200g; 01 khúc gỗ dài 60cm, ngang 04cm, cao 02cm, trọng lượng 300g; 02 cái ghế inox bị hư hỏng phần mặt

ghế; 01 ghế nhựa màu đỏ đã bị hư hỏng và một số mảnh vỡ; Trần Ngọc T1 giao nộp hung khí tương tự là 01 miếng gạch tàu màu đỏ, dày 2,2cm, dài 15,5cm, rộng 08cm.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho Trần Hoàng N2 là Phó Trưởng Công an xã T7, huyện C1 01 xe mô tô biển kiểm soát 66B1-002.xx, số máy 31547xx, số khung 3546xx.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 330/TgT-TTPY ngày 06/10/2016 và số: 356 ngày 20/10/2016 của **Trần Văn T2** như sau:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng sống mũi, mu bàn tay trái do vật tày tác động gây nên, tỷ lệ thương tật 02%, tại thời điểm giám định.

- Sẹo vết thương phần mềm đỉnh đầu lành tốt, tỷ lệ thương tật 01% tại thời điểm giám định.

Tổng tỷ lệ thương tật của Trần Văn T2 là 03%.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 323/TgT-TTPY ngày 29/9/2016 và số: 398 ngày 01/12/2016 của **Dương Thị Ánh H** như sau:

- Sẹo vết thương phần mềm phía dưới dái tai phải, tỷ lệ thương tật 01%.

- Sây sát da vùng góc hàm phải, tỷ lệ thương tật 01%.

- Mẻ răng hàm trên phải, tỷ lệ thương tật 01%

- Tổn thương trên do vật tày gây nên.

Chấn thương phần mềm vùng má trái, góc hàm phải không để lại dấu vết thương tích, tỷ lệ thương tật 00% tại thời điểm giám định.

Tổng tỷ lệ thương tật của Dương Thị Ánh H là 03%.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 316/TgT-TTPY ngày 22/9/2016 của **Nguyễn Tấn Đ** như sau:

- Hai sẹo vết thương phần mềm mặt trong vành tai trái sẹo lành, tỷ lệ thương tật mỗi sẹo 01%.

- Vết nám da dái tai trái lành không để lại di chứng không cho tỷ lệ thương tật. Thương tổn trên do vật tày gây ra.

Tổng tỷ lệ thương tật của Nguyễn Tấn Đ là 02%.

Căn cứ Biên bản và Bản kết luận định giá về tài sản số: 92/KLĐG-HĐ ngày 02/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C1 như sau:

1/ Các bộ phận của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave; biển số 66B1-002.xx, số máy 3154xx, số khung 3546xx; xe đã qua sử dụng, bị hư hỏng bộ đuôi đèn sau, cong gác chân sau bên phải; các bộ phận còn lại không bị thiệt hại. Giá trị tài sản: 510.000 đồng.

2/ 01 cây roi điện hiệu Titan M3: đã qua sử dụng, số ký hiệu 7268, bị gãy; hư hỏng hoàn toàn không còn sử dụng được. Giá trị tài sản 1.342.196 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.852.196 đồng.

Trong quá trình điều tra, Phạm Phước L đã thỏa thuận và bồi thường tổng số tiền là 2.187.000 đồng để khắc phục cây roi điện bị hư hỏng và chi phí sửa chữa chiếc xe mô tô biển số 66B1-002.xx của Công an xã T7, huyện C1.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn T2 yêu cầu các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C bồi thường thiệt hại sức khỏe với tổng số tiền là 19.916.950 đồng, gồm: tiền điều trị thương tích là 1.166.950 đồng (có hóa đơn); tiền xe, tiền nuôi bệnh, chi phí ăn uống đi lại là 3.000.000 đồng (không có hóa đơn); tiền công lao động 3,5 tháng x 150.000 đồng/ngày là 15.750.000 đồng. Các bị cáo L, T, C chỉ đồng ý bồi thường chi phí điều trị tại Bệnh viện là 1.166.950 đồng. Chị Dương Thị Ánh H yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe với tổng số tiền là 44.900.000 đồng, gồm: chi phí thuốc và khám chữa bệnh là 7.182.000 đồng (có hóa đơn); chi phí đi lại trong thời gian điều trị là 4.718.000 đồng (không có hóa đơn); tiền ăn uống trong khi điều trị là 60 ngày x 200.000 đồng/ngày = 12.000.000 đồng (không có hóa đơn); chi phí thuê người nuôi bệnh 30 ngày x 200.000 đồng/ngày = 6.000.000 đồng (không có hóa đơn); tiền tổn thất về sức khỏe và tinh thần là 15.000.000 đồng. Riêng khoản tiền công lao động từ ngày 04/9/2016 đến 04/11/2016 là 60 ngày x 300.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng (có giấy xác nhận tổng thu nhập là 7.500.000 đồng/tháng nhưng không có xác nhận chị H nghỉ làm việc từ 04/09/2016 đến 04/11/2016), chị H đồng ý tách yêu cầu này ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự, sau khi chị cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ. Bị cáo T1 chỉ thống nhất bồi thường thiệt hại cho chị H chi phí điều trị có chứng từ hợp lệ là 7.182.000 đồng. Anh Nguyễn Tấn Đ không yêu cầu bị cáo L bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh và cũng không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo L.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017, Toà án nhân dân huyện C1 đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước L phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Thanh C và Trần Ngọc T1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm p khoản 1, Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Phước L 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm b, p khoản 1, Điều 46; khoản 1 Điều 257 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Phước L 09 (chín) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Phước L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh C 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự;

+ Buộc các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C và Phạm Thanh T liên đới bồi thường cho Trần Văn T2 tiền thuốc, chi phí điều trị, đi lại khám bệnh, ăn uống trong thời gian điều trị, tiền thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ việc... tổng cộng 13.166.900 đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Ngọc T1 bồi thường cho chị Dương Thị Ánh H tiền thuốc, chi phí điều trị, chi phí đi lại khám bệnh, ăn uống trong thời gian điều trị, tiền nuôi bệnh... tổng cộng các khoản: 38.900.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị cáo Phạm Phước L có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị cáo Phạm Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị cáo Phạm Thanh C có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị cáo Trần Ngọc T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo và xem xét lại phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với chị Dương Thị Ánh H.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị hại Trần Văn T2 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C và bồi thường thêm phần dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C, Trần Ngọc T1 và đơn kháng cáo của người bị hại Trần Văn T2, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm. Do các bị cáo L, T, C, T1 không cung cấp thêm tình tiết mới ngoài các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết để có cơ sở cho các bị cáo L, T1, C được hưởng án treo và có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, đồng thời cũng không có tình tiết nào có cơ sở để tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo L, T và C. Ngoài ra cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu giảm mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo T1 đối với chị Dương Thị Ánh H hay tăng mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo L, T, C theo yêu cầu của anh T2, do yêu cầu của anh T2 vượt quá yêu cầu bồi thường thiệt hại ban đầu ở cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C, Phạm Thanh T và Trần Ngọc T1 đều đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 20 giờ 30 ngày 04/9/2016, Các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Phước L, Phạm Thanh C cùng với anh Phạm Phước H2, anh Phạm Văn H3, chị Dương Thị Thanh T5 và chị Dương Thị Ánh H đến quán cháo vịt T8 của chị Nguyễn Thị S tại ấp T6, xã T7, huyện C1 để ăn cháo và nhậu tiếp. Trong lúc nhậu bị cáo T thấy anh Trần Văn T2 đi cùng một số người bạn đang đến quán để nhậu, do quen biết nên bị cáo T cầm ly bia đến mời anh T2 uống thì xảy ra cự cãi với nhau, bị cáo T cầm ly bia đánh trúng mặt của anh T2 01 cái gây thương tích. Sau đó bị cáo T tiếp tục cầm 01 cái ghế nhựa còn các bị cáo Phạm Phước L và Phạm Thanh C mỗi người cầm 01 cái ghế inox cùng nhau đánh trúng đầu và vai, lưng của anh T2 gây thương tích.

Khi hay tin anh T2 bị đánh bị cáo Trần Ngọc T1 là anh ruột của anh T2 đang ở nhà gần đó cầm 01 khúc cây chạy đến đánh trúng vào hông của anh Phạm Văn H3 01 cái gây thương tích nhẹ, sau đó gặp Phạm Phước H2 đang điều khiển xe mô tô chở chị Dương Thị Ánh H chạy về, bị cáo T1 liền lượm 01 miếng gạch tàu bị bể ném về hướng xe của anh H2, thấy vậy anh H2 cúi xuống tránh né nên không trúng mà trúng vào vùng mặt của chị H gây thương tích.

Khi cả nhóm của bị cáo T đưa chị H đi cấp cứu ở Bệnh viện đa khoa S1, trên đường đi thì anh Hồ Thanh P1 và anh Nguyễn Tấn Đ đều là Công an viên xã T7 được Lãnh đạo đơn vị phân công đến hiện trường xác minh vụ việc đánh nhau. Khi anh P1 và anh Đ yêu cầu dừng xe lại thì bị cáo L điều khiển xe chạy chậm lại và khi thấy xe của anh P1 và anh Đ chạy lên phía trước thì bị cáo L liền tăng ga và đụng vào xe của anh P1 và anh Đ làm hai xe bị ngã xuống. Cùng lúc, bị cáo L đi đến giật cây roi điện trên tay của anh Đ rồi dùng phần cán của roi điện đánh trúng vùng đầu bên trái của anh Đ làm roi điện bị gãy, anh Đ liền lấy súng bắn đạn cao su mang theo bắn 01 phát xuống đất để cảnh cáo, bị cáo L liền ném khúc roi điện còn lại vào anh Đ nhưng không trúng rồi điều khiển xe bỏ chạy về hướng thành phố S1.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C, Phạm Thanh T và Trần Ngọc T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C, Phạm Thanh T và Trần Ngọc T1 là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức

khỏe của người khác được pháp luật bảo hộ. Trong đó hành vi của bị cáo T, L và C đã gây thương tích cho anh T2 với tổng tỷ lệ thương tật 03%, còn bị cáo T1 vì bệnh vực em mình đã gây thương tích cho chị H với tỷ lệ thương tật 03%. Đối với bị cáo L ngoài việc cùng bị cáo T và C gây thương tích cho anh T2 còn thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ thông qua việc dùng vũ lực và hung khí gây thương tích cho anh Nguyễn Tấn Đ, khi anh Đ và anh Hồ Thanh P1 đang thi hành công vụ đến hiện trường để xác minh vụ đánh nhau, chính hành vi của bị cáo L đã làm cản trở cho việc thi hành công vụ của các anh Đ và anh P1. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây xôn xao trong dư luận quần chúng nhân dân. Trong vụ án này lẽ ra các bị cáo phải xem xét rõ sự việc và có cách ứng xử hợp tình, hợp lý và có văn hóa, đằng này chỉ vì để giải quyết mâu thuẫn và bệnh vực đối với nhau, các bị cáo đã có hành vi hung hãn xem thường kỷ cương pháp luật giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực. Rõ ràng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Việc đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C và Trần Ngọc T1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” và xét xử bị cáo Phạm Phước L thêm tội “*Chống người thi hành công vụ*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ theo quy định pháp luật, đồng thời đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên cho các bị cáo là không nặng, hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo L, C, T1 kháng cáo xin được hưởng án treo và bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét, nên không được xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại anh Trần Văn T2 yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T2 là không có đủ cơ sở vì mức hình phạt

mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có đủ căn cứ theo quy định tại Điều 45 Bộ luật hình sự như đã phân tích ở trên, nên yêu cầu kháng cáo của anh T2 không được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Việc bị cáo Trần Ngọc T1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với chị Dương Thị Ánh H do Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H tiền thuốc, chi phí điều trị, chi phí đi lại khám bệnh, ăn uống trong thời gian điều trị, tiền nuôi bệnh, tổn thất tinh thần, tổng cộng các khoản: 38.900.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng) là quá cao mà bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường tiền thuốc và chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ là 7.182.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo này của bị cáo T1 là không có đủ cơ sở. Bởi vì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho chị H số tiền trên là có căn cứ, khách quan và đúng quy định pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T1 về phần trách nhiệm dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại anh Trần Văn T2 về việc tăng mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo T, L và C, cụ thể là bồi thường thêm cho anh tiền tổn thất tinh thần 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là không có đủ cơ sở, vì tại phiên tòa phúc thẩm anh T2 cũng không đưa tài liệu, chứng cứ mới về thiệt hại mà anh phải gánh chịu; mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm anh T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, nay anh mới yêu cầu xét thấy đã vượt quá giới hạn yêu cầu ban đầu, gây bất lợi cho các bị cáo đồng thời các bị cáo L, T và C cũng không thống nhất yêu cầu này của anh. Nên không chấp nhận yêu cầu của anh T2 về việc kháng cáo tăng số tiền bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo T, L và C là phù hợp khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nội dung trên, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C, Phạm Thanh T, Trần Ngọc T1 và đơn kháng cáo của người bị hại anh Trần Văn T2. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo L, T, C, T1 và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự là phù hợp.

Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C, Trần Ngọc T1 không được chấp nhận, nên các bị cáo L, T, C và T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng kháng cáo của người bị hại anh Trần Văn T2 mặc dù không được chấp nhận nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nên anh T2 không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C, Trần Ngọc T1 về việc xin hưởng án treo;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T về việc xin giảm nhẹ hình phạt;
- Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại anh Trần Văn T2 về việc tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo L, T và C;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T1 về việc giảm mức bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với người bị hại chị Dương Thị Ánh H.

Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phước L phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Thanh C và Trần Ngọc T1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Phước L 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 1 Điều 257; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Phước L 09 (chín) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Phước L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 01 (một) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Thanh C 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự;

+ Buộc các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh C và Phạm Thanh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T2 tiền thuốc, chi phí điều trị, đi lại khám bệnh, ăn uống trong thời gian điều trị, tiền thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ việc... tổng cộng 13.166.900 đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Ngọc T1 bồi thường thiệt hại cho chị Dương Thị Ánh H tiền thuốc, chi phí điều trị, chi phí đi lại khám bệnh, ăn uống trong thời gian điều trị, tiền nuôi bệnh, tổn thất tinh thần... tổng cộng các khoản: 38.900.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Dương Thị Ánh H, anh Trần Văn T2 mà các bị cáo Trần Ngọc T1, Phạm Phước L, Phạm Thanh C và Phạm Thanh T chưa thi hành số tiền nợ trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Phước L, Phạm Thanh T, Phạm Thanh C và Trần Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh uỷ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV- THA.TA tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C1;
- VKSND huyện C1;
- CCTHADS huyện C1;
- Trại tạm giam tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA (Nghĩa).

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi